

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Nhơn;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lương Văn Kiên và bà Nguyễn Thị Bích Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Hải - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Đăng Khoa- Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 11 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 180/2022/TLST-HS ngày 25 tháng 10 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 201/2022/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 11 năm 2022, đối với bị cáo:

Nguyễn Thanh T (Tên gọi khác: Không), sinh năm 1970 tại tỉnh Bình Định, nơi đăng ký HKTT: Tổ 7, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai; chỗ ở: Tổ 3, phường Phù Đ, thành phố P, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Thợ xây; Trình độ học vấn: 3/12; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Thanh T (đã chết) và bà Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 1944; bị cáo có vợ là Lê Thị K, sinh năm 1971 và 02 người con, sinh năm 2002 và 2011; tiền sự: Không; Tiền án: 01lần; cụ thể:

- Ngày 28/10/1988, bị Tòa án nhân dân huyện An Khê, tỉnh Gia Lai - Kon Tum xử phạt 04 năm tù về các tội: “*Trộm cắp tài sản của công dân*” và “*Trốn khỏi nơi giam giữ*”, tại Bản án số 23/1988/HSST; chấp hành án tại Trại giam T15. Ngày 09/11/1994, chấp hành xong hình phạt tù. Lần bị kết án này, bị can đã được xóa án tích.

- Ngày 21/11/1996, bị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xử phạt 03 năm 06 tháng tù về các tội: “*Trộm cắp tài sản của công dân*” và “*Trốn khỏi nơi giam giữ*”, tại Bản án số 144/1996/HSST; chấp hành án tại Trại giam T15. Ngày 08/11/1999, chấp hành xong hình phạt tù. Lần bị kết án này, bị can chưa được xóa án tích do chưa chấp hành xong tiền án phí hình sự sơ thẩm.

- Ngày 04/01/2006, bị Tòa án nhân dân thị xã An Khê, tỉnh Gia Lai xử phạt 02 năm 6 tháng tù về tội: “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” (theo khoản 1 Điều 140 Bộ luật Hình sự năm 1999), tại Bản án số 01/2006/HSST; chấp hành án tại Trại giam Đăk Trung, Bộ Công an. Ngày 15/3/2008, chấp hành xong hình phạt tù. Lần bị kết án này, bị

cáo đã được xoá án tích.

Bị cáo Nguyễn Thanh T bị tạm giữ từ ngày 25 đến ngày 31/5/2022, sau đó được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay. Có mặt.

Bị hại:

Bà P, sinh năm 1998; địa chỉ: 37/7 Phan Đăng L, tổ 2, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

- Anh Trần T, sinh năm 1986; địa chỉ: 119 T, tổ 1, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

- Bà Lê Thị K, sinh năm 1971; địa chỉ: 19/19 Ngô Gia K, tổ 3, phường P, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 16 giờ 30 phút ngày 21/5/2022, T gặp vợ chồng ông Trần Châu P (sinh năm 1955) và bà Nguyễn Thị N (sinh năm 1966, là hàng xóm của T tại Tổ 03, phường Phù Đồng, TP.P) chuẩn bị đi dự đám cưới. T hỏi ông Phụng thì được biết ông Phụng, bà Nam đi đám cưới người quen ở nhà hàng Century, số 170 đường Wừu, phường Hội Thương, TP.P. Mặc dù không quen biết và không được mời, nhưng do trước đó đã có uống rượu, nên T điều khiển xe mô tô biển số 81B1-124.47 đi theo ông Phụng, bà Nam đến nhà hàng Century để cùng dự đám cưới. Khi đến nhà hàng Century, T đi vào hội trường nơi tổ chức đám cưới, đến ngồi cùng bàn với chị P và với một số người khác. T không quen biết chị P cũng như những người cùng bàn. Đến khoảng 18 giờ 30 phút cùng ngày, một số người ngồi cùng bàn với T và chị P ra về. Lúc này, chị P để điện thoại di động hiệu Iphone 11 Pro Max màu trắng của mình trên bàn tiệc, đi sang bàn bên cạnh để chào hỏi người quen. Thấy vậy, T nảy sinh ý định chiếm đoạt điện thoại di động của chị P để bán lấy tiền tiêu xài. Lợi dụng lúc chị P không để ý, T lén lút lấy giấu vào người, rồi đi ra ngoài lấy xe mô tô 81B1-124.47, mang đến cửa hàng điện thoại Anh Vũ 2 (ở số 119 đường T, Tổ 01, phường T, TP.P) bán cho anh Trần T được 3.500.000. Tiền bán điện thoại mà có, T đã sử dụng tiêu xài hết 1.5000 đồng.

Đối với chị P, sau khi phát hiện bị mất điện thoại di động đã đến Công an phường H, TP.P trình báo. Qua công tác xác minh và kiểm tra camera an ninh của nhà hàng Century, Công an phường H nghi ngờ T là người đã chiếm đoạt điện thoại di động của chị P, nên ngày 25/5/2022 Công an phường mời T đến làm việc. Tại Công an phường H, biết không thể che giấu nên đã khai nhận toàn bộ hành vi chiếm đoạt điện thoại và giao nộp 1.500.000 đồng còn lại trong số tiền bán điện thoại mà có cùng với xe mô tô biển số 81B1-124.47.

Trên cơ sở lời khai của T, Công an phường H và Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an TP.P tiến hành làm việc, thì được anh T giao nộp lại chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 11 Pro Max đã mua của T vào ngày 21/5/2022.

Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự của UBND thành phố P đã xác định chiếc điện thoại mà bị cáo Nguyễn Thanh T trộm cắp tại Kết bản kết luận số 74/KL-HĐĐGTS ngày 30 tháng 5 năm 2022 là 8.750.000đ

Cơ quan điều tra đã xử lý trả lại điện thoại trên cho chị P.

Về dân sự: Chị P không yêu cầu gì và đề nghị Tòa án xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo T; anh Trần T nhận được số tiền 3.500.000 đồng do T hoàn trả và không có ý kiến yêu cầu gì.

Đối với xe mô tô biển số 81B1-124.47 do Nguyễn Thanh T giao nộp, qua điều tra xác định là tài sản chung của T và vợ là bà Lê Thị K; việc T sử dụng xe mô tô trên để đi đám cưới và thực hiện hành vi trộm cắp bà Hoàng không biết. Do vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an TP.P đã xử lý trả lại xe mô tô trên cho bà Hoàng.

Số tiền 1.500.000 đồng do T giao nộp, Cơ quan điều tra chuyển theo vụ án.

Tại Bản Cáo trạng số 188/CT-VKS ngày 24/10/2022, Viện kiểm sát nhân dân thành phố P đã truy tố bị cáo Nguyễn Thanh T ra trước Tòa để xét xử về tội: “*Trộm cắp tài sản*”, theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự với tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “*Thành khẩn khai báo*” theo quy định tại điểm s khoản 1, tình tiết “*Đầu thú*” theo quy định tại khoản 2 Điều 51 và tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “*Tái phạm*” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Thanh T thừa nhận toàn bộ diễn biến hành vi thực hiện tội phạm của mình như nội dung Bản Cáo trạng đã nêu, không có ý kiến tranh luận gì về nội dung luận tội và phát biểu của Kiểm sát viên về quan điểm giải quyết vụ án; nói lời sau cùng, bị cáo xin được hưởng mức án thấp nhất để sớm về đoàn tụ gia đình; đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với như nội dung của Cáo trạng đã nêu và đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173, Điều 38, Điều 50, điểm h Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo xử phạt bị cáo mức án tù 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù kể từ ngày chấp hành án, được trừ thời gian tạm giữ kể từ ngày 25 đến ngày 31 tháng 5 năm 2022. Buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hoạt động điều tra, truy tố, xét xử của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Về hành vi bị truy tố của bị cáo:

Lời khai của bị cáo phù hợp với chứng cứ, tài liệu có tại hồ sơ vụ án và đúng như nội dung Bản Cáo trạng số 188/CT-VKS ngày 24 tháng 10 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố P đã truy tố. Do đó có căn cứ để kết luận: Do đã sử dụng rượu bia trước đó, nên khi được biết vợ chồng người hàng xóm đi dự tiệc cưới, T đi theo đến để ăn uống vui chơi, mặc dù không được mời.

Đến nơi, T ngồi chung bàn với chị P và một số người khác. Gần cuối tiệc cưới, lúc này khoảng 18 giờ 30 phút ngày 21/5/2022, những người ngồi cùng bàn ra về, chị P để lại điện thoại trên bàn, sang bàn khác để chào hỏi. Thấy vậy, T nảy sinh ý định chiếm đoạt để bán lấy tiền tiêu xài. Sau khi chiếm đoạt được, bị cáo T mang đến cửa hàng Điện thoại Anh Vũ 2, bán cho anh Tần Anh Triều 3.500.000đ.

Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự của UBND thành phố P xác định giá trị chiếc điện thoại tại bản kết luận số 74/KL-HĐĐGTS ngày 30 tháng 5 năm 2022 là 8.750.000đ.

Hành vi chiếm đoạt tài sản hợp pháp của người khác có giá trị 8.750.000đ của Nguyễn Thanh T là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu của công dân được pháp luật hình sự bảo vệ. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 về tội “Trộm cắp tài sản” đúng như Cáo trạng Viện kiểm sát truy tố.

Bị cáo Nguyễn Thanh T là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, đã từng bị kết án nhiều lần về hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác. Trong đó còn một Bản án số 144/1996/HSST ngày 19/10/1996 bị cáo chưa thi hành án phí. Do đó, lần phạm tội này bị xem là tái phạm. Vì vậy, mặc dù giá trị tài sản không lớn, nhưng cần phải xử phạt bị cáo mức án tù nghiêm khắc, cách ly ra khỏi đời sống xã hội để giáo dục, cải tạo.

Để có mức hình phạt tương xứng với mức độ nguy hiểm cho xã hội mà bị cáo đã gây ra, thấy rằng, trong vụ án này bị cáo không có mục đích đến tiệc cưới để trộm cắp. Nhưng do sự mất cảnh giác của chủ sở hữu đã kích thích lòng tham, làm nảy sinh ý đồ phạm tội. Và trong quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, bồi thường toàn bộ thiệt hại và người bị hại cũng đề nghị giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

Đối với tình tiết tại cơ quan Công an, bị cáo khai nhận hành vi thực hiện tội phạm, là vì trong quá trình điều tra, Cơ quan chức năng đã phát hiện ra hành vi thực hiện tội phạm của bị cáo, nên khi bị triệu tập đến làm việc, bị cáo đã khai nhận, bị cáo tự nguyện ra trình diện khai báo. Vì vậy, theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 3 của Bộ luật tố tụng hình sự, tình tiết này không được xem là đầu thú mà là thành khẩn khai báo.

Do đó sẽ áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: thành khẩn khai báo, bồi thường thiệt hại quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h, khoản 1, Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015 khi quyết định hình phạt cho bị cáo.

[3] Về trách nhiệm dân sự: người bị hại đã nhận lại tài sản, người có quyền lợi liên quan đã được bồi hoàn số tiền mua điện thoại và không có ý kiến, yêu cầu gì nên không xem xét.

[4] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Thanh T phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[5]. Ý kiến, đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa có căn cứ pháp luật nên được xem chấp nhận

[6]. Về vật chứng: Đối với số tiền 1.500.000đ là tài sản hợp pháp của bị cáo nên theo quy định tại khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng dân sự, được trả lại.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thanh T phạm tội “ Trộm cắp tài sản”

- Căn cứ khoản 1 Điều 173; các điểm: b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015,

Tuyên xử:

- Phạt bị cáo Nguyễn Thanh T 01(Một) năm, kể từ ngày bắt đi thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 25 đến ngày 31 tháng 5 năm 2022;

- Căn cứ khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự,

Hoàn trả lại cho Nguyễn Thanh T số tiền 1.500.000đ (Một triệu, năm trăm nghìn đồng). Tình trạng tài sản như trong biên bản bàn giao số 07/2023 ngày 25/10/2022.

- Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Bị cáo Nguyễn Thanh T phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo có quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm; hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia lai;
- VKS TP P;
- Công an Tp. P;
- THADS Tp.P;
- Bị cáo;
- Lưu hs.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thành Nhơn

